

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ H  
TỈNH ĐỒNG THÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 58/2022/HS-ST

Ngày 01-12-2022

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H, TỈNH ĐỒNG THÁP

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Minh Thống.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

- Bà Ngô Thị Diễm Thúy;
- Ông Trần Duy Hồ.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Ngô Thị Kim Lài - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Đồng Tháp.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:** Ông Phạm Minh Trí - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố H, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 49/2022/TLST-HS, ngày 21 tháng 10 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 49/2022/QĐXXST-HS, ngày 14 tháng 11 năm 2022, đối với bị cáo:

Trần Thụy T, sinh ngày 02/3/1987 tại tỉnh Đồng Tháp; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp F, xã B, huyện H, tỉnh Đồng Tháp; nghề nghiệp: Giáo viên; trình độ học vấn: 12/12; Quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; giới tính: Nữ; con ông Trần Quang Đ, sinh năm 1965 và bà Phạm Thị K, sinh năm 1965; có 02 chị em, bị cáo là con đầu trong gia đình; chồng: Dương Văn Long, sinh năm 1981 (đã ly hôn năm 2019); con: 02 người, người con lớn sinh năm 2012, người con nhỏ, sinh năm 2014; tiền sự: Chưa có, tiền án: Chưa có; tạm giữ: Không; tạm giam: Không. Hiện bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú (bị cáo có mặt tại phiên tòa).

- **Bị hại:**

- Ông Trịnh Văn E, sinh năm 1972 (có mặt);
- Bà Tô Thị V, sinh năm 1973.

(Bà V ủy quyền cho ông E, theo văn bản ủy quyền ngày 30/8/2022)

Cùng nơi cư trú: Khóm 2, phường A, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Chị Tô Thị Q, sinh năm 1999 (vắng mặt);

Thường trú: Ấp I, xã O, huyện G, tỉnh Tiền Giang

Chỗ ở hiện nay: Khóm X, phường S, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp.

2. Chị Lê Thị Z, sinh năm 1997 (vắng mặt).

Nơi cư trú: Ấp 3, xã C, huyện P, tỉnh Đồng Tháp.

- *Người làm chứng:*

1. Bà Nguyễn Thị Thu N, sinh năm 1975 (vắng mặt);

Nơi cư trú: Khóm 3, phường A, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp.

2. Bà Phạm Thị Khuở, sinh năm 1965 (vắng mặt).

Nơi cư trú: Ấp F, xã B, huyện H, tỉnh Đồng Tháp.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do nợ tiền vay của nhiều người dẫn đến không có khả năng chi trả nên Trần Thụy T nảy sinh ý định lừa đảo nhằm chiếm đoạt tài sản của người khác lấy tiền trả nợ cá nhân. Cụ thể như sau:

Khoảng 06 giờ 30 phút ngày 30/5/2022 T điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 66H1-103.09 đến tiệm N sức mạ vàng của chị Nguyễn Thị Thu N, địa chỉ: Khóm 3, phường A, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp, mua 02 (hai) chiếc lắc đeo tay bằng kim loại mạ vàng (không phải vàng thật) với giá 500.000 đồng, đem về nơi làm việc tại trường mầm non xã Bình Thạnh, thành phố H, Thụy sử dụng cây kiểm bằng kim loại tháo gỡ khoen móc khóa của 02 (hai) chiếc lắc đeo tay bằng vàng thật, gắn vào 02 (hai) chiếc lắc đeo tay bằng kim loại mạ vàng với mục đích đem đến tiệm mua bán N sức vàng bạc để thực hiện hành vi lừa đảo nhằm chiếm đoạt tài sản. Đến khoảng 10 giờ 30 phút cùng ngày, T điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 66H1-103.09 đến tiệm vàng Kim E, địa chỉ: Khóm 2, phường A, thành phố H dùng 02 (hai) chiếc lắc đeo tay bằng kim loại mạ vàng có gắn khoen móc khóa bằng vàng thật mà Thụy đã trao đổi cầm cho chị Tô Thị Q là nhân viên tiệm vàng Kim E, sau khi kiểm tra sơ bộ thấy chiếc khoen móc khóa gắn trên 02 (hai) chiếc lắc đeo tay là vàng thật nên tin tưởng và đồng ý cầm số tài sản trên với số tiền là 45.000.000 đồng (Bốn mươi lăm triệu đồng), khi chuẩn bị giao nhận tiền thì bị chị Tô Thị V, chủ tiệm vàng Kim E nghi ngờ, kiểm tra phát hiện 02 (hai) chiếc lắc đeo bằng kim loại mạ vàng mà Thụy cầm là

vàng giả nên trình báo vụ việc đến Công an thành phố H. Công an thành phố H thu giữ các vật chứng và mời Trần Thụy Khương T làm việc thì T thừa nhận toàn bộ hành vi lừa đảo đã thực hiện.

Vật chứng vụ án, Cơ quan điều tra thu giữ: 01 (một) chiếc lắc kim loại màu vàng có khoen móc khóa in ký hiệu “KHD”, trên mặt chiếc lắc có đính các hạt đá màu trắng, có chiều dài 19,5cm, chiều rộng 2,7cm; 01 (một) chiếc lắc kim loại màu vàng có khoen móc khóa in ký hiệu “KHD 600”, trên mặt chiếc lắc có đính các hạt đá màu trắng, có chiều dài 19,5cm, chiều rộng 2,5cm; 01 (một) chiếc lắc kim loại màu vàng có khoen móc khóa in ký hiệu “KHD 610”, trên mặt chiếc lắc có đính các hạt đá màu trắng, có chiều dài 19,5cm, chiều rộng 2,5cm; 01 (một) chiếc nhẫn bằng kim loại màu vàng, loại nhẫn trơn, chưa xác định trọng lượng, chưa kiểm tra chất lượng bên trong; 01 (một) chiếc nhẫn bằng kim loại màu vàng, loại nhẫn bi, trên nhẫn có gắn 05 (năm) hạt hình tròn lớn màu trắng-vàng-nâu, chưa xác định trọng lượng, chưa kiểm tra chất lượng; 01 (một) chiếc nhẫn bằng kim loại màu vàng, loại nhẫn hạt trà, trên nhẫn có gắn nhiều hạt đá màu nâu-trắng, chưa xác định trọng lượng, chưa kiểm tra chất lượng; 01 (một) chiếc lắc đeo tay bằng kim loại màu trắng, loại lắc xoắn cham, trên lắc có đeo nhiều hình thể khác nhau, chưa xác định trọng lượng, chưa kiểm tra chất lượng; 01 (một) chiếc lắc đeo tay bằng kim loại màu trắng, loại lắc kiểu rồng, chưa xác định trọng lượng, chưa kiểm tra chất lượng; 07 (bảy) chiếc vòng đeo tay bằng kim loại màu trắng, loại vòng ximen, chưa xác định trọng lượng, chưa kiểm tra chất lượng; 01 (một) túi giấy màu trắng, mặt trước có chữ tiêm vàng và in hình chiếc nhẫn, mặt sau có dòng chữ viết tay “T - 7 Vòng + 2 nhẫn + 2 lắc V18K 1<sup>L</sup>080 + 1 nhẫn 24K 1<sup>C</sup>00 - 36<sup>T</sup>000 -24/5/2022”; 01 (một) giấy biên nhận cầm đồ tiêm tên tiêm vàng Kim E lập ngày 24/5/2022; 01 (một) giấy biên nhận mua bán vàng tên tiêm vàng Kim E lập ngày 27/5/2022; 01 (một) túi đựng vàng mặt sau có ghi số tiền 45.000.000 đồng (Bốn mươi lăm triệu đồng) cầm đồ (vàng), lập ngày 30/5/2022; 01 (một) túi đựng vàng mặt sau có ghi số tiền 19.000.000 đồng (Mười chín triệu đồng) cầm đồ (vàng), lập ngày 27/5/2022; 01 (một) cây kiềm bằng kim loại, có cán bằng nhựa màu đỏ, đen, dài 16cm, đã qua sử dụng; 01 (một) thẻ căn cước công dân số: 087187002568, mang tên Trần Thụy Khương T; 01 (Một) xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại xe Airblade, màu đỏ-đen, biển số: 66H1-103.09, đã qua sử dụng, chưa kiểm tra chất lượng hoạt động.

Bản kết luận giám định số: 672/KL-KTHS, ngày 09 tháng 8 năm 2022, của Phòng Kỹ thuật Hình sự Công an tỉnh Đồng Tháp, về việc giám định thành

phần, hàm lượng kim loại vàng của các mẫu vật gửi giám định như đã nêu trên như sau:

- 01 (một) chiếc lắc kim loại màu vàng có khoen móc khóa in ký hiệu “KHĐ”, trên mặt chiếc lắc có đính các hạt đá màu trắng, có chiều dài 19,5cm, chiều rộng 2,7cm, được niêm phong trong túi niêm phong ký hiệu PS3, mã số PS3 1901597, gửi giám định có tổng khối lượng 34,287 gam (ký hiệu mẫu M1), hàm lượng kim loại vàng trong chiếc lắc và khoen móc khóa in ký hiệu “KHĐ” như sau:

+ Phần chiếc lắc kim loại màu vàng có chứa thành phần kim loại vàng (Au), hàm lượng kim loại vàng nhỏ hơn 0,1%, tổng khối lượng của chiếc lắc kim loại vàng và các hoạt đá màu trắng đính trên mặt chiếc lắc là 33,332 gam.

+ Phần khoen móc khóa màu vàng in ký hiệu “KHĐ” có chứa thành phần kim loại vàng (Au), hàm lượng 68,8%, có khối lượng, 0,955 gam.

- 01 (một) chiếc lắc kim loại màu vàng có khoen móc khóa in ký hiệu “KHĐ 600”, trên mặt chiếc lắc có đính các hạt đá màu trắng, có chiều dài 19,5cm, chiều rộng 2,7cm, được niêm phong trong cùng túi niêm phong ký hiệu PS3, mã số PS3 1901597, gửi giám định có tổng khối lượng 27,181 gam (ký hiệu mẫu M2), hàm lượng kim loại vàng trong chiếc lắc và khoen móc khóa in ký hiệu “KHĐ 600” như sau:

+ Phần chiếc lắc kim loại màu vàng có chứa thành phần kim loại vàng (Au), hàm lượng kim loại vàng nhỏ hơn 0,1%, tổng khối lượng của chiếc lắc kim loại vàng và các hoạt đá màu trắng đính trên mặt chiếc lắc là 26,425 gam.

+ Phần khoen móc khóa màu vàng in ký hiệu “KHĐ 600” có chứa thành phần kim loại vàng (Au), hàm lượng 70,5%, có khối lượng, 0,756 gam. (Bút lục: 65-66

Căn cứ Bản kết luận định giá tài sản số: 25/KL-HĐĐG, ngày 30 tháng 9 năm 2022 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự thành phố H, tỉnh Đồng Tháp, kết luận như sau:

- 01 (một) chiếc khoen móc khóa màu vàng, in ký hiệu “KHĐ” có chứa thành phần kim loại vàng (Au), hàm lượng 68,8%, có khối lượng, 0,955 gam, có giá trị tại thời điểm định giá là 892.000 đồng (Tám trăm chín mươi hai nghìn đồng).

- 01 (một) chiếc khoen móc khóa màu vàng, in ký hiệu “KHĐ 600” có chứa thành phần kim loại vàng (Au), hàm lượng 70,5%, có khối lượng, 0,756 gam, có giá trị tại thời điểm định giá là 706.000 đồng (Bảy trăm lẻ sáu nghìn đồng).

Trong quá trình điều tra, Trần Thụy T đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội đã thực hiện, lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án

Quá trình điều tra, xét thấy một số đồ vật không liên quan đến vụ án nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố H quyết định xử lý vật chứng trao trả cho bị hại, gồm: 01 (một) chiếc nhẫn bằng kim loại màu vàng, loại nhẫn trơn; 01 (một) chiếc nhẫn bằng kim loại màu vàng, loại nhẫn bi, trên nhẫn có gắn 05 (năm) hạt hình tròn lớn màu trắng-vàng-nâu; 01 (một) chiếc nhẫn bằng kim loại màu vàng, loại nhẫn hạt trà, trên nhẫn có gắn nhiều hạt đá màu nâu-trắng; 01 (một) chiếc lắc đeo tay bằng kim loại màu trắng, loại lắc xoắn cham, trên lắc có đeo nhiều hình thể khác nhau; 01 (một) chiếc lắc đeo tay bằng kim loại màu trắng, loại lắc kiểu rồng; 07 (Bảy) chiếc vòng đeo tay bằng kim loại màu trắng, loại vòng ximen; 01 (một) túi giấy màu trắng, mặt trước có chữ tiem vàng và in hình chiếc nhẫn, mặt sau có dòng chữ viết tay “T - 7 Vòng + 2 nhẫn + 2 lắc V18K 1<sup>L</sup>080 + 1 nhẫn 24K 1<sup>C</sup>00 – 36<sup>T</sup>000 – 24/5/2022” và trả lại cho bị cáo Trần Thụy Khương T 01 (một) thẻ căn cước công dân số: 087187002568, tên Trần Thụy Khương T.

Về trách nhiệm Dân sự: Bị hại có đơn không yêu cầu bồi thường thiệt hại dân sự đối với bị cáo.

Tại bản cáo trạng số: 51/CT-VKSTPHN, ngày 20 tháng 10 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố H, tỉnh Đồng Tháp truy tố bị cáo Trần Thụy Khương T về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên toà, Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H thực hành quyền công tố khẳng định hành vi của bị cáo Trần Thụy Khương T đã đủ yếu tố cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự. Do đó, Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Trần Thụy Khương T về tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 174, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Trần Thụy Khương T từ 06 tháng đến 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng.

Về vật chứng vụ án:

Trong giai đoạn điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố H đã ra quyết định xử lý vật chứng trao trả cho bị hại, gồm: 01 (một) chiếc nhẫn bằng kim loại màu vàng, loại nhẫn trơn; 01 (một) chiếc nhẫn bằng kim loại màu vàng, loại nhẫn bi, trên nhẫn có gắn 05 (năm) hột hình tròn lớn màu trắng-vàng-nâu; 01 (một) chiếc nhẫn bằng kim loại màu vàng, loại nhẫn hột trà, trên nhẫn có gắn nhiều hạt đá màu nâu-trắng; 01 (một) chiếc lắc đeo tay bằng kim loại màu trắng, loại lắc xoắn cham, trên lắc có đeo nhiều hình thể khác nhau; 01 (một) chiếc lắc đeo tay bằng kim loại màu trắng, loại lắc kiểu rồng; 07 (Bảy) chiếc vòng đeo tay bằng kim loại màu trắng, loại vòng ximen; 01 (một) túi giấy màu trắng, mặt trước có chữ tiệm vàng và in hình chiếc nhẫn, mặt sau có dòng chữ viết tay “T - 7 Vòng + 2 nhẫn + 2 lắc V18K 1<sup>L</sup>080 + 1 nhẫn 24K 1<sup>C</sup>00 – 36<sup>T</sup>000 – 24/5/2022” và trả lại cho bị cáo Trần Thụy Khương T 01 (một) thẻ căn cước công dân số: 087187002568, tên Trần Thụy Khương T. Xét thấy, việc xử lý vật chứng của Cơ quan điều tra phù hợp với quy định tại Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, tại phiên tòa không phát sinh tình tiết mới nên không đề nghị Hội đồng xét xử xem xét xử lý.

Đề nghị Hội đồng xét xử, căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) chiếc lắc kim loại màu vàng có gắn chiếc khoen móc khóa in ký hiệu “KHĐ”, 01 (một) chiếc lắc kim loại màu vàng có gắn chiếc khoen móc khóa in ký hiệu “KHĐ 600”, 01 (một) cây kiếm bằng kim loại, có cán bằng nhựa màu đỏ, đen, dài 16cm.

Tịch thu nộp vào ngân sách Nhà nước 02 (hai) chiếc khoen móc khóa bằng vàng thật gắn trên 02 (hai) chiếc lắc đeo tay bằng vàng giả.

Trả lại cho bị cáo Trần Thụy Khương T 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại xe Airblade, màu đỏ-đen, biển số: 66H1-103.09.

Trả lại cho bị hại Trịnh Văn E và Tô Thị V 01 (một) chiếc lắc kim loại màu vàng có gắn chiếc khoen móc khóa in ký hiệu “KHĐ 610”.

Tiếp tục lưu trữ hồ sơ vụ án: 01 (một) giấy biên nhận cầm đồ tiệm tên tiệm vàng Kim E lập ngày 24/5/2022; 01 (một) giấy biên nhận mua bán vàng tên tiệm vàng Kim E lập ngày 27/5/2022; 01 (một) túi đựng vàng mặt sau có ghi số tiền 45.000.000 đồng, lập ngày 30/5/2022; 01 (một) túi đựng vàng mặt sau có ghi số tiền 19.000.000 đồng, lập ngày 27/5/2022.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại không yêu cầu bị cáo bồi thường nên không đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết.

Tại phiên tòa, bị cáo Trần Thụy Khương T đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình theo cáo trạng truy tố của Viện kiểm sát, lời nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các chứng cứ khác thu thập được có trong hồ sơ vụ án.

Bị hại ông Trịnh Văn E không yêu cầu bị cáo bồi thường về mặt dân sự; về hành vi phạm tội của bị cáo thì xin Hội đồng xét xử xử cho bị cáo được hưởng án treo.

Bị cáo thống nhất với nội dung luận tội của Kiểm sát viên và xin Hội đồng xét xử xử cho bị cáo được hưởng án treo và xin được nhận lại chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại xe Airblade, màu đỏ-đen, biển số: 66H1-103.09 vì đây là phương tiện duy nhất bị cáo sử dụng để đưa rước 02 con đi học.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan, người tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo Trần Thụy Khương T đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội mà mình đã thực hiện. Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi của mình là nguy hiểm cho xã hội. Do nợ nần nhiều người không có khả năng chi trả nên bị cáo đã nảy sinh ý định lừa đảo chiếm đoạt tài sản của người khác. Để thực hiện ý định trên, khoảng 06 giờ 30 phút ngày 30/5/2022 T mua 02 (hai) chiếc lắc đeo tay bằng kim loại mạ vàng (không phải vàng thật) với giá 500.000 đồng, đem về nơi làm việc, Thuý sử dụng cây kiểm bằng kim loại tháo gỡ khoen móc khóa của 02 (hai) chiếc lắc đeo tay bằng vàng thật, gắn vào 02 (hai) chiếc lắc đeo tay bằng kim loại mạ vàng rồi đem đến tiệm vàng Kim E cầm nhằm để chiếm đoạt tiền của tiệm vàng. Do tin tưởng 02 chiếc lắc mà T đem đến cầm là vàng thật nên tiệm vàng Kim E đồng ý nhận cầm với số tiền 45.000.000 đồng. Trong thời gian chờ làm thủ tục cầm đồ thì chủ tiệm vàng kiểm tra lại phát hiện 02 lắc tay T đem cầm là vàng giả nên báo Công an đến làm việc và T đã thừa nhận toàn hành vi lừa đảo của mình.

Căn cứ bản kết luận giám định số: 672/KL-KTHS, ngày 09 tháng 8 năm 2022, của Phòng Kỹ thuật Hình sự Công an tỉnh Đồng Tháp; Căn cứ Bản kết luận định giá tài sản số: 25/KL-HĐĐG, ngày 30 tháng 9 năm 2022 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự thành phố H, tỉnh Đồng Tháp.

Căn cứ vào lời thừa nhận của bị cáo, lời khai bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Như vậy đã có đủ căn cứ để kết luận hành vi của bị cáo Trần Thụy Khương T đã phạm tội: "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự như cáo trạng truy tố của Viện kiểm sát.

#### **Điều 174. Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản**

“1. Người nào bằng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm”

Tội phạm mà bị cáo gây ra đã xâm hại đến quyền sở hữu tài sản của người khác, mặt khác còn làm ảnh hưởng đến tình hình trật tự trị an ở địa phương. Hiện nay tình hình tội phạm xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản trên cả nước nói chung và trên địa bàn thành phố H nói riêng xảy ra ngày càng nhiều với thủ đoạn hết sức tinh vi. Nhằm để ổn định trật tự trị an ở địa phương, góp phần vào công cuộc phòng, chống và ngăn ngừa tội phạm, Hội đồng xét xử xét thấy phải xử phạt bị cáo mức hình phạt nghiêm khắc để thể hiện tính nghiêm minh của pháp luật.

[3] Về nhân thân của bị cáo: Bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền sự, tiền án, chỉ xuất phát từ muốn có tiền trả nợ mà bị cáo đi vào con đường phạm tội. Điều đó thể hiện bị cáo thiếu ý thức trong việc tu dưỡng rèn luyện nhân cách.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo thể hiện sự ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị hại có đơn bãi nại và xin cho bị cáo được hưởng án treo, bị cáo có thành tích tốt trong công tác. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, Hội đồng xét xử áp dụng để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo thể hiện tính nhân đạo của pháp luật Xã hội chủ nghĩa.



Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: không có.

[5] Căn cứ vào tính chất, mức độ, hậu quả do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra, căn cứ vào các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự áp dụng đối với bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy, bị cáo có nhân thân tốt, có nơi làm việc và cư trú rõ ràng và bị cáo được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự và hiện tại bị cáo phải trực tiếp nuôi dưỡng 02 con nhỏ, nên xét thấy không cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống Xã hội mà áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự xử cho bị cáo được hưởng án treo và giao bị cáo cho đơn vị nơi bị cáo đang công tác để giám sát, giáo dục, cải tạo bị cáo trở thành công dân tốt có ích cho gia đình và Xã hội, điều đó thể hiện tính nhân đạo của pháp luật Xã hội chủ nghĩa.

[6] Về vật chứng vụ án:

Trong giai đoạn điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố H đã ra quyết định xử lý vật chứng trao trả cho bị hại, gồm: 01 (một) chiếc nhẫn bằng kim loại màu vàng, loại nhẫn trơn; 01 (một) chiếc nhẫn bằng kim loại màu vàng, loại nhẫn bi, trên nhẫn có gắn 05 (năm) hạt hình tròn lớn màu trắng-vàng-nâu; 01 (một) chiếc nhẫn bằng kim loại màu vàng, loại nhẫn hạt trà, trên nhẫn có gắn nhiều hạt đá màu nâu-trắng; 01 (một) chiếc lắc đeo tay bằng kim loại màu trắng, loại lắc xoắn cham, trên lắc có đeo nhiều hình thể khác nhau; 01 (một) chiếc lắc đeo tay bằng kim loại màu trắng, loại lắc kiểu rỗng; 07 (bảy) chiếc vòng đeo tay bằng kim loại màu trắng, loại vòng ximen; 01 (một) túi giấy màu trắng, mặt trước có chữ tiem vàng và in hình chiếc nhẫn, mặt sau có dòng chữ viết tay “T - 7 Vòng + 2 nhẫn + 2 lắc V18K 1<sup>L</sup>080 + 1 nhẫn 24K 1<sup>C</sup>00 – 36<sup>T</sup>000 – 24/5/2022” và trả lại cho bị cáo Trần Thụy Khương T 01 (một) thẻ căn cước công dân số: 087187002568, tên Trần Thụy Khương T. Xét thấy, việc xử lý vật chứng của Cơ quan điều tra phù hợp với quy định tại Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, tại phiên tòa không phát sinh tình tiết mới nên Hội đồng xét xử không xem xét xử lý.

Đối với các tài sản và công cụ liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo, gồm: 01 (một) chiếc lắc kim loại màu vàng có gắn chiếc khoen móc khóa in ký hiệu “KHĐ”, 01 (một) chiếc lắc kim loại màu vàng có gắn chiếc khoen móc khóa in ký hiệu “KHĐ 600”, 01 (một) cây kiềm bằng kim loại, có cán bằng nhựa màu đỏ, đen, dài 16cm, 02 (hai) chiếc khoen móc khóa bằng vàng thật gắn trên 02 (hai) chiếc lắc đeo tay bằng vàng giả, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự tuyên tịch thu tiêu hủy và nộp ngân sách Nhà nước là

phù hợp pháp luật.

Đối với 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại xe Airblade, màu đỏ-đen, biển số: 66H1-103.09 mà bị cáo sử dụng khi đến tiệm vàng Kim E thực hiện hành vi lừa đảo do Dương Văn Long (chồng bị cáo trước đây) đứng tên. Tại phiên tòa, bị cáo xin Hội đồng xét xử cho bị cáo nhận lại vì khi ly hôn, chồng bị cáo để chiếc xe trên cho bị cáo làm phương tiện đưa rước 02 con đi học, là phương tiện phục vụ cho nhu cầu thiết yếu hàng ngày của gia đình. Hội đồng xét xử xét thấy, theo quy định pháp luật sẽ tịch thu chiếc xe trên để nộp ngân sách Nhà nước, nhưng xét thấy đây là phương tiện phục vụ cho nhu cầu thiết yếu của gia đình bị cáo nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự tuyên trả lại cho bị cáo.

Đối với 01 (một) chiếc lắc kim loại màu vàng có gắn chiếc khoen móc khóa in ký hiệu “KHD 610” là tài sản của bị hại Trịnh Văn E và Tô Thị V, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự tuyên trả lại cho bị hại là phù hợp pháp luật.

Đối với tài liệu, gồm: 01 (một) giấy biên nhận cầm đồ tiệm tên tiệm vàng Kim E lập ngày 24/5/2022; 01 (một) giấy biên nhận mua bán vàng tên tiệm vàng Kim E lập ngày 27/5/2022; 01 (một) túi đựng vàng mặt sau có ghi số tiền 45.000.000 đồng, lập ngày 30/5/2022; 01 (một) túi đựng vàng mặt sau có ghi số tiền 19.000.000 đồng, lập ngày 27/5/2022, xét thấy đây là chứng cứ của vụ án nên Hội đồng xét xử quyết định tiếp tục lưu giữ trong hồ sơ vụ án.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại không yêu cầu bị cáo bồi thường nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[8] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo đang khó khăn về kinh tế nên mới thực hiện hành vi phạm tội, nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo theo quy định tại khoản 5 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

Từ các phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử nhận thấy nội dung luận tội của Kiểm sát viên là có căn cứ và phù hợp pháp luật.

[9] Về án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án để buộc bị cáo phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

**QUYẾT ĐỊNH:**

1. Căn cứ khoản 1 Điều 174, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố bị cáo Trần Thụy Khương T phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

Xử phạt bị cáo Trần Thụy Khương T 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (một) năm 06 (sáu) tháng kể từ ngày tuyên án (ngày 01/12/2022).

Giao bị cáo Trần Thụy Khương T cho Trường mầm non xã Bình Thạnh, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Trường Mầm non xã Bình Thạnh, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trong thời gian thử thách, nếu bị cáo Trần Thụy Khương T cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 (hai) lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trường hợp đang trong thời gian thử thách mà bị cáo Trần Thụy Khương T phạm tội mới thì Tòa án buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định của Điều 56 Bộ luật Hình sự.

Trường hợp bị cáo Trần Thụy Khương T thay đổi nơi cư trú trong thời gian thử thách thì phải thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật Thi hành án hình sự.

2. Về vật chứng: Căn cứ Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự

Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) chiếc lắc kim loại màu vàng có gắn chiếc khoen móc khóa in ký hiệu “KHD”, 01 (một) chiếc lắc kim loại màu vàng có gắn chiếc khoen móc khóa in ký hiệu “KHD 600”, 01 (một) cây kiếm bằng kim loại, có cán bằng nhựa màu đỏ, đen, dài 16cm.

Tịch thu nộp vào ngân sách Nhà nước 02 (hai) chiếc khoen móc khóa bằng vàng thật gắn trên 02 (hai) chiếc lắc đeo tay bằng vàng giả.

Trả lại cho bị cáo Trần Thụy Khương T 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại xe Airblade, màu đỏ-đen, biển số: 66H1-103.09

Trả lại cho bị hại Trịnh Văn E và Tô Thị V 01 (một) chiếc lắc kim loại màu vàng có gắn chiếc khoen móc khóa in ký hiệu “KHD 610”.

(Các vật chứng trên hiện Chi cục thi hành án Dân sự thành phố H đang quản lý theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 20/10/2022)

Tiếp tục lưu trữ hồ sơ vụ án: 01 (một) giấy biên nhận cầm đồ tiệm tên tiệm vàng Kim E lập ngày 24/5/2022; 01 (một) giấy biên nhận mua bán vàng tên tiệm vàng Kim E lập ngày 27/5/2022; 01 (một) túi đựng vàng mặt sau có ghi số tiền 45.000.000 đồng, lập ngày 30/5/2022; 01 (một) túi đựng vàng mặt sau có ghi số tiền 19.000.000 đồng, lập ngày 27/5/2022.

3. Về án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Buộc bị cáo Trần Thụy Khương T phải nộp 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 01/12/2022). Riêng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND TP. H;
- Nhà tạm giữ Công an TP. H;
- Cơ quan điều tra Công an TP. H;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Minh Thống**